TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13- P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12/01/2026
V/v: ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13- P

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Duy Tỏi, Bà Đoàn Thị Chuyền.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Phạm Đình Lân - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 13- P.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13- P tham gia phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Diên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 13- P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 153/2025/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2025 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17/12/2025, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên toà ngày 26/12/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1952

Số CCCD: 030052006606

Nơi thường trú: Đội 10, thôn K, xã M, thành phố P.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị H, sinh năm 1969

Số CCCD: 030169007682

Nơi thường trú: thôn C, xã M, thành phố P.

Ông Q vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; bà H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, quá trình khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cao Thắng (nay là xã M, thành phố P) ngày 24/6/2024. Trước khi kết hôn, ông đã có vợ chết, bà H đã có chồng chết. Ông là thương binh có lương, bà H ở nhà làm ruộng không có chế độ gì. Sau khi kết hôn, bà H về chung sống tại nhà ông, hai vợ chồng già ở chung nhà, con cái ở chỗ khác. Ông bà ở vui vẻ được khoảng 02 tháng đầu thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà H có tính đồng bóng, nói nhiều, ông góp ý không nghe, lại còn thách thức ông làm đơn ly hôn. Người ta nói đi lấy chồng phải theo thói nhà chồng, nhưng bà H cứ làm theo ý bà ấy, ông góp ý không được, nên ở với nhau không vui vẻ hạnh phúc. Bà H còn hỏi vay tiền của ông để lo công việc cho con riêng của bà ấy, nhưng ông kiên quyết không cho vay. Ngày 22/7/2025 dương lịch, bà H bảo về nhà riêng của bà ấy để cơm nước

cho con, từ đó đến nay bà H không quay về nhà ông nữa. Ông cũng không đến tìm bà H về. Ông và bà H sống ly thân từ ngày 22/7/2025 (dương lịch). Từ đó đến nay ông bà không quan tâm đến nhau, phận ai người ấy lo. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông xin được ly hôn bà H. Hiện nay sức khoẻ của ông rất yếu, chủ yếu phải lên bệnh viện để bác sỹ theo dõi, trông nom, ít khi được về nhà, ông đề nghị Toà án xét xử vắng mặt ông.

Ông Q là thương binh thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần giải thích và hướng dẫn ông Q về thủ tục để được trợ giúp pháp lý. Tuy nhiên, ông Q trình bày ông tự nguyện không cần trợ giúp pháp lý Nhà nước nên không không làm đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý theo như hướng dẫn.

Về con chung: Ông và bà H không có con chung.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân Khu vực 13- P đã tiến hành cấp tống đạt hợp lệ, niêm yết văn bản tố tụng cho bà Trần Thị H theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, bà H không trình bày ý kiến, không đến Toà làm việc.

** Xác minh tại thôn C, xã M cung cấp như sau:* Bà Trần Thị H là công dân cư trú tại địa phương. Địa phương nắm được vào năm 2024 bà H có đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Văn Q ở thôn K, xã M. Sau khi kết hôn, bà H về ở với ông Q được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nên mấy tháng gần đây bà H đã về nhà ở thôn C ở cùng con trai. Nguyên nhân mâu thuẫn địa phương chỉ biết là do vợ chồng bất đồng, không hoà hợp còn cụ thể mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được. Bà H hiện đi làm công ty gần nhà, sáng đi tối mới về nên ban ngày ít ở nhà, còn con trai bà H đi làm tự do thỉnh thoảng vẫn về ở cùng bà H. Các khoản thu chi phải nộp tại địa phương bà H vẫn đóng góp hàng tháng hàng quý đủ. Gia đình bà H không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, không phải là gia đình chính sách. Ông Trưởng thôn C xác nhận đã cùng Toà án đến gia đình bà Trần Thị H để tống đạt các văn bản tố tụng nhưng bà H đi làm công ty không có ở nhà, hàng ngày bà H vẫn sáng đi tối về nhưng cụ thể địa chỉ công ty bà H làm ở đâu thì địa phương không rõ.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13- P phát biểu ý kiến:* Xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX và thư ký phiên toà tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn Q được ly hôn bà Trần Thị H.

Về án phí: Ông Q thuộc trường hợp được miễn án phí sơ thẩm dân sự vì vậy không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Văn Q yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 13- P giải quyết ly hôn với bà Trần Thị H, đăng ký thường trú tại thôn C, xã M, thành phố P. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13- P. Xác định quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và gia đình là ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn bà Trần Thị H đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vụ án theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cao Thắng (nay là UBND xã M, thành phố P) ngày 24/6/2024, nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của ông Q và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án thì thấy: Ông Q và bà H trước khi kết hôn với nhau đều đã có vợ chết, chồng chết. Ngày 24/6/2024, ông bà làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Cao Thắng (nay là UBND xã M, thành phố P). Ông bà chung sống chỉ được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi nhau. Bà H đã bỏ về nhà riêng từ tháng 7/2025 không quay về sống cùng ông Q lần nào, ông bà sống ly thân từ đó đến nay, mỗi người một nơi, thân ai người ấy lo. Bà H đã được Toà án tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật nhưng bà không trình bày ý kiến, không tham gia phiên hoà giải do Toà án tiến hành. Ông Q là người cao tuổi (73 tuổi), lại là thương binh nặng, thường xuyên đau ốm nhưng bà H đã bỏ về nhà riêng, không ở cùng để chăm sóc, giúp đỡ ông Q trong sinh hoạt cũng như hỗ trợ, động viên ông Q những khi đau ốm. Điều đó cho thấy ông bà không còn sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, đến nay ông bà vẫn tiếp tục sống ly thân bỏ mặc nhau, không còn tình nghĩa vợ chồng. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho ông Q được ly hôn bà H là phù hợp quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông bà không có con chung.

[4] Về tài sản chung, vay nợ, công sức: không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn Q thuộc đối tượng người cao tuổi (trên 60 tuổi) và là thương binh nên được miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày

25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xử cho ông Nguyễn Văn Q được ly hôn bà Trần Thị H.

2. Về án phí: Miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn Q.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 13- P;
- THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- UBND xã M, TP P (Giấy CNKH số 20 ngày 24/6/2024);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Nhàn